

phạt hoặc làm sai lệch hồ sơ tính lệ phí trước bạ làm mất số thu của Nhà nước thì phải hoàn trả cho Nhà nước toàn bộ số tiền lệ phí trước bạ, tiền phạt đã chiếm dụng trái phép hoặc bồi thường toàn bộ thiệt hại do hành vi vi phạm gây ra và tùy tính chất, mức độ vi phạm còn có thể bị xử lý kỷ luật hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

c) Trường hợp lợi dụng chức vụ, quyền hạn để thông đồng, bao che cho người vi phạm pháp luật về lệ phí trước bạ hoặc có hành vi khác vi phạm quy định của pháp luật về lệ phí trước bạ thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

5. Cơ quan, cán bộ thuế và tổ chức, cá nhân có công phát hiện các vụ vi phạm quy định của pháp luật về lệ phí trước bạ thì được khen thưởng theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 22/CP ngày 17/4/1996 của Chính phủ và hướng dẫn tại Mục V Thông tư số 128/1998/TT-BTC ngày 22/9/1998 của Bộ Tài chính về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày Nghị định số 176/1999/NĐ-CP ngày 21/12/1999 của Chính phủ có hiệu lực thi hành là ngày 01 tháng 1 năm 2000. Các văn bản quy định về lệ phí trước bạ theo Nghị định số 193/CP ngày 29/12/1994 của Chính phủ trái với Nghị định số 176/1999/NĐ-CP của Chính phủ và hướng dẫn tại Thông tư này đều bãi bỏ.

Các tài sản đã kê khai lệ phí trước bạ trước ngày 01 tháng 1 năm 2000 và đã có thông báo của cơ quan thuế về thời hạn phải nộp tiền trước ngày 01 tháng 1 năm 2000 mà đến nay chưa nộp thì được nộp theo quy định của Nghị định số 176/1999/

NĐ-CP và bị xử lý phạt chậm nộp theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Nghị định số 176/1999/NĐ-CP tính kể từ ngày phải nộp tiền lệ phí trước bạ ghi trên thông báo lần thứ nhất.

2. Tổng cục Thuế, Kho bạc nhà nước, cơ quan nhà nước có thẩm quyền về đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản và các tổ chức, cá nhân có tài sản thuộc đối tượng chịu lệ phí trước bạ chịu trách nhiệm thi hành Nghị định số 176/1999/NĐ-CP của Chính phủ và hướng dẫn tại Thông tư này.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để nghiên cứu, hướng dẫn bổ sung./.

KT. Bộ trưởng Bộ Tài chính

Thủ trưởng

PHẠM VĂN TRỌNG

QUYẾT ĐỊNH số 55/2000/QĐ-BTC ngày 19/4/2000 về việc ban hành Quy chế Quản lý việc xử lý tài sản nhà nước tại các cơ quan hành chính sự nghiệp.

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Căn cứ Pháp lệnh Thực hành tiết kiệm chống lãng phí ngày 26 tháng 2 năm 1998 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 14/1998/NĐ-CP ngày 06/3/1998 của Chính phủ về quản lý tài sản nhà nước;

09661342

Căn cứ Nghị định số 15/CP ngày 02/3/1993 của Chính phủ về nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Căn cứ Nghị định số 178/CP ngày 25/10/1994 của Chính phủ về nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý công sản,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế Quản lý việc xử lý tài sản nhà nước tại các cơ quan hành chính sự nghiệp.

Điều 2. Quy chế này áp dụng cho việc xử lý thu hồi, điều chuyển, thanh lý tài sản nhà nước giao cho các cơ quan quản lý nhà nước, các đơn vị sự nghiệp, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, các cơ quan ngoại giao của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài (gọi chung là cơ quan hành chính sự nghiệp) quản lý, sử dụng.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày ký, thay thế Quyết định số 1163/TC-QLCS ngày 21/12/1996 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Quy chế Xử lý tài sản không cần dùng và không còn sử dụng được trong các cơ quan hành chính sự nghiệp.

Bộ trưởng các Bộ, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức có liên quan khác chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Bộ trưởng Bộ Tài chính

NGUYỄN SINH HÙNG

QUY CHẾ Quản lý việc xử lý tài sản nhà nước tại các cơ quan hành chính sự nghiệp

(ban hành kèm theo Quyết định số 55/2000/QĐ-BTC ngày 19/4/2000 của Bộ trưởng Bộ Tài chính).

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Đối tượng và phạm vi áp dụng:

1. Tài sản được hình thành từ các nguồn ngân sách nhà nước, có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước hoặc được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước theo quy định của pháp luật (gọi chung là tài sản nhà nước) giao cho các cơ quan quản lý nhà nước, các đơn vị sự nghiệp, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp và các cơ quan đại diện của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài (gọi chung là cơ quan hành chính sự nghiệp) quản lý, sử dụng được xử lý theo các quy định tại Quy chế này gồm:

- Nhà, đất thuộc trụ sở làm việc và các công trình xây dựng khác gắn liền với đất (không kể nhà ở, đất ở);

- Phương tiện vận tải, đi lại phục vụ công tác;

- Máy móc, trang thiết bị làm việc và các tài sản khác phục vụ nhu cầu công tác được xác định là tài sản cố định.

2. Tài sản nhà nước thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh thực hiện theo quy định riêng.

Điều 2. Việc xử lý tài sản nhà nước tại các cơ quan hành chính sự nghiệp trực tiếp quản lý, sử dụng tài sản theo quy định tại Quy chế này bao gồm các trường hợp sau:

1. Thu hồi tài sản không còn nhu cầu sử dụng do sáp nhập, thay đổi chức năng, nhiệm vụ; tài sản mà các cơ quan hành chính sự nghiệp trang bị vượt quá tiêu chuẩn, định mức được phép sử dụng; tài sản sử dụng sai mục đích, trái quy định của Nhà nước.

2. Điều chuyển tài sản nhà nước giữa các cơ quan hành chính sự nghiệp theo nhu cầu sử dụng và theo đúng tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản do Nhà nước quy định.

3. Thanh lý tài sản đối với những tài sản hư hỏng không còn sử dụng được hoặc những tài sản nếu tiếp tục sử dụng phải chi phí sửa chữa quá lớn.

Điều 3. Số tiền thu được từ việc thu hồi, điều chuyển, thanh lý tài sản (nếu có) phải nộp toàn bộ vào ngân sách nhà nước, sau khi đã trừ đi các khoản chi phí có liên quan đến việc xử lý tài sản.

Mọi trường hợp thu hồi, điều chuyển, thanh lý tài sản nhà nước của các cơ quan hành chính sự nghiệp đều phải thực hiện theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước về quản lý, sử dụng đất đai.

Chương II

THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH XỬ LÝ TÀI SẢN NHÀ NƯỚC TẠI CÁC CƠ QUAN HÀNH CHÍNH SỰ NGHIỆP

Điều 4. Bộ trưởng Bộ Tài chính căn cứ vào đề nghị xử lý tài sản nhà nước của Thủ trưởng các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan, tổ chức đoàn thể thuộc Trung ương (gọi chung là Bộ, cơ quan, đoàn thể Trung ương) và chế độ quản lý tài sản nhà nước hiện hành để xử lý:

1. Trình Thủ tướng Chính phủ quyết định xử lý

thu hồi, điều chuyển các tài sản nhà nước là nhà, đất thuộc trụ sở làm việc và các công trình xây dựng khác gắn liền với đất giữa các Bộ, cơ quan, đoàn thể Trung ương với nhau, giữa các cơ quan hành chính sự nghiệp Trung ương với các tổ chức khác ngoài khu vực hành chính sự nghiệp.

2. Thu hồi, điều chuyển các tài sản nhà nước (trừ nhà, đất thuộc trụ sở làm việc và các công trình xây dựng khác gắn liền với đất đai) giữa các Bộ, cơ quan, đoàn thể Trung ương với nhau, giữa cơ quan hành chính sự nghiệp Trung ương với các tổ chức khác ngoài khu vực hành chính sự nghiệp.

3. Thanh lý các tài sản nhà nước là nhà và các công trình xây dựng khác thuộc trụ sở làm việc của các cơ quan hành chính sự nghiệp do Trung ương quản lý.

Điều 5. Thủ trưởng các Bộ, cơ quan, đoàn thể Trung ương quyết định xử lý:

1. Thu hồi, điều chuyển các tài sản nhà nước trong phạm vi nội bộ của Bộ, cơ quan, đoàn thể mình quản lý.

2. Thanh lý hoặc ủy quyền cho thủ trưởng các cơ quan hành chính sự nghiệp thuộc phạm vi mình quản lý quyết định thanh lý các tài sản nhà nước hư hỏng không còn sử dụng được (trừ nhà, các công trình xây dựng khác gắn liền với đất).

Điều 6. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (gọi chung là Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) quyết định xử lý thu hồi, điều chuyển, thanh lý các tài sản nhà nước là nhà thuộc trụ sở làm việc, các công trình xây dựng gắn liền với đất và phương tiện đi lại của các cơ quan hành chính sự nghiệp do địa phương quản lý.

Điều 7. Giám đốc Sở Tài chính - Vật giá căn cứ vào đề nghị xử lý tài sản nhà nước của Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, cơ quan, đoàn thể thuộc cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân các quận,

huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh (gọi chung là cấp huyện) và chế độ quản lý tài sản nhà nước hiện hành để xử lý:

1. Thu hồi, điều chuyển những tài sản nhà nước (trừ nhà, đất thuộc trụ sở làm việc, các công trình xây dựng khác gắn liền với đất và phương tiện đi lại) giữa các Sở, ban, ngành, cơ quan, đoàn thể thuộc cấp tỉnh và cấp huyện trong địa phương với nhau.

2. Thanh lý các tài sản nhà nước (trừ nhà thuộc trụ sở làm việc, các công trình xây dựng khác gắn liền với đất và phương tiện đi lại) có giá mua ban đầu từ 100 triệu đồng trở lên /1 đơn vị tài sản của các cơ quan hành chính sự nghiệp thuộc địa phương quản lý.

Điều 8. Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, cơ quan, đoàn thể thuộc cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định xử lý:

1. Thu hồi, điều chuyển các tài sản nhà nước của các cơ quan hành chính sự nghiệp trong phạm vi nội bộ của Sở, ban, ngành, cơ quan, đoàn thể thuộc cấp tỉnh và cấp huyện.

2. Thanh lý các tài sản nhà nước có giá trị mua ban đầu dưới 100 triệu đồng/1 đơn vị tài sản (trừ nhà đất thuộc trụ sở làm việc, các công trình xây dựng khác gắn liền với đất và phương tiện đi lại) của các cơ quan hành chính sự nghiệp trực thuộc.

Chương III

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC XỬ LÝ TÀI SẢN NHÀ NƯỚC TẠI CÁC CƠ QUAN HÀNH CHÍNH SỰ NGHIỆP

Mục 1. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC XỬ LÝ THU HỒI TÀI SẢN NHÀ NƯỚC

Điều 9. Việc thu hồi các tài sản nhà nước không

còn nhu cầu sử dụng do sáp nhập, hợp nhất, thay đổi chức năng, nhiệm vụ; tài sản nhà nước dồi thừa so với tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản do Nhà nước quy định; tài sản nhà nước sử dụng sai mục đích, trái quy định của Nhà nước được thực hiện như sau:

1. Đối với tài sản nhà nước không còn nhu cầu sử dụng do sáp nhập, hợp nhất, thay đổi chức năng nhiệm vụ, các cơ quan hành chính sự nghiệp có trách nhiệm tiến hành kiểm kê, đánh giá lại toàn bộ tài sản hiện có để bàn giao cho cơ quan hành chính sự nghiệp mới quản lý, sử dụng số lượng tài sản theo đúng tiêu chuẩn, định mức. Đồng thời lập danh sách số tài sản vượt tiêu chuẩn, định mức và biên bản đánh giá lại tài sản cần thu hồi của Hội đồng đánh giá lại tài sản của cơ quan hành chính sự nghiệp báo cáo cơ quan quản lý cấp trên ra quyết định thu hồi theo thẩm quyền quy định tại Chương II của Quy chế này.

2. Đối với trường hợp kiểm tra phát hiện cơ quan hành chính sự nghiệp sử dụng tài sản vượt tiêu chuẩn, định mức, sai mục đích, trái quy định của Nhà nước, các cơ quan kiểm tra lập biên bản và kiến nghị các cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Chương II của Quy chế này ra quyết định thu hồi.

Điều 10. Cơ quan hành chính sự nghiệp có tài sản nhà nước bị thu hồi phải chuyển giao đầy đủ tài sản hoặc bảo quản các tài sản bị thu hồi theo quyết định thu hồi cho đến khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định xử lý tài sản thu hồi và thực hiện ghi giảm tài sản và giá trị tài sản theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 11. Cơ quan quyết định thu hồi tài sản nhà nước của các cơ quan hành chính sự nghiệp có trách nhiệm quyết định xử lý tài sản thu hồi theo thẩm quyền hoặc báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Chương II của Quy

chế này quyết định điều chuyển cho các cơ quan hành chính sự nghiệp có nhu cầu sử dụng tài sản này theo đúng tiêu chuẩn, định mức do Nhà nước quy định hoặc giao lại cho cơ quan quản lý tài sản nhà nước xử lý theo thẩm quyền hoặc thanh lý đối với những tài sản không còn sử dụng được thu tiền vào ngân sách nhà nước.

Điều 12. Cơ quan quản lý công sản thuộc Bộ Tài chính và Sở Tài chính - Vật giá có trách nhiệm lập phương án xử lý đối với số tài sản nhà nước được giao quản lý theo quyết định thu hồi để trình cấp có thẩm quyền quyết định.

Trong thời gian chưa có quyết định xử lý số tài sản thu hồi, cơ quan tài chính nhà nước có thể cho thuê để tận thu cho ngân sách nhà nước; số tiền tận thu từ cho thuê tài sản thu hồi được nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định tại Điều 3 Quy chế này.

Mục II. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC XỬ LÝ ĐIỀU CHUYỂN TÀI SẢN NHÀ NƯỚC

Điều 13. Việc điều chuyển tài sản nhà nước từ cơ quan hành chính sự nghiệp này cho cơ quan hành chính sự nghiệp khác hoặc tổ chức khác ngoài khu vực hành chính sự nghiệp phải có quyết định điều chuyển tài sản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Chương II của Quy chế này.

Điều 14. Thủ trưởng các Bộ, cơ quan, đoàn thể Trung ương và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ vào số lượng, chất lượng của tài sản thu hồi và công văn đề nghị trang cấp tài sản của các cơ quan hành chính sự nghiệp thuộc ngành, cấp mình quản lý để quyết định điều chuyển tài sản nhà nước cho các cơ quan hành chính sự nghiệp trong Bộ, cơ quan, đoàn thể Trung ương và địa phương đối với những tài sản thuộc thẩm quyền

và theo đúng tiêu chuẩn, định mức, chế độ quản lý tài sản hiện hành.

Điều 15. Hồ sơ đề nghị điều chuyển tài sản nhà nước của các cơ quan hành chính sự nghiệp gửi cơ quan có thẩm quyền quyết định xử lý tài sản quy định tại Chương II của Quy chế này bao gồm:

- Công văn đề nghị điều chuyển tài sản nhà nước của cơ quan hành chính sự nghiệp trực tiếp quản lý, sử dụng tài sản;

- Bảng tổng hợp danh mục tài sản nhà nước đề nghị điều chuyển kèm theo biên bản đánh giá lại giá trị những tài sản điều chuyển và các hồ sơ của tài sản như: giấy cấp đất, bản vẽ khuôn viên nhà đất, giấy chứng nhận quyền quản lý, sử dụng tài sản (đối với những tài sản phải đăng ký theo quy định của Bộ Tài chính)... do cơ quan hành chính sự nghiệp trực tiếp quản lý, sử dụng tài sản lập;

- Công văn của cơ quan hành chính sự nghiệp đề nghị được tiếp nhận tài sản.

Điều 16. Việc bàn giao tài sản điều chuyển được thực hiện như sau:

1. Cơ quan hành chính sự nghiệp có tài sản điều chuyển bàn giao tài sản cho cơ quan hành chính sự nghiệp được tiếp nhận tài sản theo đúng quyết định của cấp có thẩm quyền và thực hiện ghi giảm tài sản và giá trị tài sản theo quy định hiện hành của Nhà nước.

2. Cơ quan hành chính sự nghiệp tiếp nhận tài sản thực hiện việc ghi tăng tài sản và giá trị tài sản theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Mục III. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC XỬ LÝ THANH LÝ TÀI SẢN NHÀ NƯỚC

Điều 17. Khi có tài sản nhà nước cần thanh lý,

thủ trưởng các cơ quan hành chính sự nghiệp trực tiếp quản lý, sử dụng các tài sản đó ra quyết định hoặc báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Chương II của Quy chế này ra quyết định thanh lý tài sản.

Điều 18. Hồ sơ đề nghị thanh lý tài sản nhà nước của các cơ quan hành chính sự nghiệp gửi cơ quan có thẩm quyền quyết định xử lý tài sản quy định tại Chương II của Quy chế này bao gồm:

- Công văn đề nghị thanh lý tài sản nhà nước của cơ quan hành chính sự nghiệp trực tiếp quản lý, sử dụng tài sản;

- Tổng hợp danh mục các tài sản nhà nước xin thanh lý kèm theo các hồ sơ có liên quan như: Giấy chứng nhận quyền quản lý, sử dụng tài sản thuộc sở hữu nhà nước tại các cơ quan hành chính sự nghiệp (đối với các tài sản phải đăng ký theo quy định của Bộ Tài chính) và các hồ sơ giấy tờ khác;

- Biên bản đánh giá lại tài sản nhà nước cần thanh lý của Hội đồng thanh lý tài sản nhà nước của cơ quan hành chính sự nghiệp trực tiếp quản lý, sử dụng tài sản hoặc biên bản thẩm định chất lượng tài sản của các cơ quan chức năng đối với các tài sản là nhà làm việc, xe ô tô và các thiết bị đồng bộ.

Điều 19. Khi tài sản nhà nước có quyết định thanh lý của cơ quan có thẩm quyền, Thủ trưởng cơ quan hành chính sự nghiệp trực tiếp quản lý, sử dụng tài sản đó tổ chức thanh lý theo quy định sau:

1. Thành lập Hội đồng thanh lý tài sản nhà nước do Thủ trưởng cơ quan hành chính sự nghiệp trực tiếp quản lý, sử dụng tài sản làm Chủ tịch Hội đồng cùng với các thành viên sau:

- Đại diện bộ phận kế toán, tài vụ của cơ quan;

- Đại diện bộ phận trực tiếp quản lý tài sản thanh lý;

- Cán bộ có hiểu biết về đặc điểm, tính năng kỹ thuật của tài sản thanh lý.

2. Tổ chức việc bán tài sản thanh lý hoặc hủy tài sản, ghi giảm tài sản và giá trị tài sản theo quy định hiện hành của Nhà nước.

3. Các cơ quan hành chính sự nghiệp khi bán tài sản thanh lý phải lập và cấp hóa đơn bán tài sản thanh lý.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 20. Cơ quan tài chính nhà nước các cấp thực hiện việc hướng dẫn, kiểm tra các cơ quan, đơn vị hành chính sự nghiệp trong cả nước thực hiện xử lý thu hồi, điều chuyển, thanh lý tài sản nhà nước và quản lý các nguồn thu phát sinh từ việc xử lý các tài sản này.

Điều 21. Thủ trưởng các cơ quan hành chính sự nghiệp được Nhà nước giao trực tiếp quản lý, sử dụng tài sản nhà nước phải thực hiện việc xử lý thu hồi, điều chuyển, thanh lý tài sản nhà nước theo quyết định xử lý của cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Chương II của Quy chế này và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc xử lý thu hồi, điều chuyển, thanh lý tài sản nhà nước của cơ quan mình.

Người ra quyết định xử lý tài sản nhà nước không đúng quy định tại Quy chế này gây ra hư hỏng, thất thoát, mất mát tài sản đều phải bồi thường về mặt vật chất và tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 22. Hàng năm, vào cuối tháng 1 các Bộ,

cơ quan, đoàn thể Trung ương và Sở Tài chính - Vật giá các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổng hợp kết quả xử lý việc thu hồi, điều chuyển, thanh lý tài sản nhà nước năm trước của các cơ quan hành chính sự nghiệp thuộc Bộ, ngành hoặc địa phương mình quản lý báo cáo Bộ Tài chính.

Điều 23. Tổng Giám đốc Kho bạc Nhà nước, Cục trưởng Cục Quản lý công sản, Vụ trưởng Vụ Ngân sách nhà nước, Giám đốc Sở Tài chính - Vật giá các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm giúp Bộ trưởng Bộ Tài chính, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hướng dẫn, kiểm tra thực hiện Quy chế này./.

Bộ trưởng Bộ Tài chính
NGUYỄN SINH HÙNG

QUYẾT ĐỊNH số 56/2000/QĐ-BTC ngày 19/4/2000 về việc ban hành Quy chế Quản lý tài chính Quỹ xã hội, Quỹ từ thiện.

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Căn cứ Nghị định số 15/CP ngày 02/3/1993 của Chính phủ quy định nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Căn cứ Nghị định số 178/CP ngày 28/10/1994 của Chính phủ quy định về nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 177/1999/NĐ-CP ngày 22/12/1999 của Chính phủ về ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Quỹ xã hội, Quỹ từ thiện;

Để tăng cường công tác quản lý tài chính và khuyến khích việc đóng góp tự nguyện của các tổ chức và cá nhân đối với các Quỹ xã hội, Quỹ từ thiện;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Chính sách tài chính và Chánh Văn phòng Bộ Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế Quản lý tài chính Quỹ xã hội, Quỹ từ thiện.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày kể từ ngày ký.

Điều 3. Chủ tịch Hội đồng quản lý, Giám đốc các Quỹ xã hội, Quỹ từ thiện chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. Bộ trưởng Bộ Tài chính
Thứ trưởng

TRẦN VĂN TÁ

QUY CHẾ Quản lý tài chính Quỹ xã hội, Quỹ từ thiện

(ban hành kèm theo Quyết định số 56/2000/QĐ-BTC ngày 19/4/2000).

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi áp dụng.

Quy chế này áp dụng đối với các Quỹ xã hội, Quỹ